TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:18/2020/QĐST-HNGĐ	*Ba Bể, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1986 – Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Mã Văn Q, sinh năm 1992 – Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1986 và anh Mã Văn Q, sinh năm 1992.

- Đều trú tại: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị T và anh Mã Văn Q thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Chị Triệu Thị T và anh Mã Văn Q có 01 con chung tên là Triệu Mã Anh T, sinh ngày 02/02/2013. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị Triệu Thị T và anh Mã Văn Q thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu anh Mã Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mã Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

****** *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

** Về vay nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

** Về cho vay nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**Về án phí:* Chị Triệu Thị T phải chịu 75.000[đ] án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Mã Văn Q phải chịu 75.000[đ] án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Triệu Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000[đ] (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Triệu Thị T đã nộp 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03735 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Triệu Thị T được hoàn trả lại số tiền 150.000[đ] (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

****Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Y, huyện B;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thế Hùng